

Số: 50/BC-THHL

Mường Tùng, ngày 09 tháng 09 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2025-2026

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường PTDTBT TH Huỗi Lềng báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2025-2026, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung của đơn vị.

Tên trường: **TRƯỜNG PTDTBT TH HUỖI LỀNG**

Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MUỜNG TÙNG**

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Hoàng Thanh Nghị
		Điện thoại	0942 886 960
Xã	Mường Tùng	Email cá nhân	nghiht.ptdtbtthhuoileng.muongcha@dienbien.edu.vn
Đạt chuẩn quốc gia	x	Website trường	http://thhuoileng.pgdmuongcha.edu.vn/
Năm thành lập	2005	Email trường	ptdtbtthhuoileng.muongcha@dienbien.edu.vn
Công lập	x	Số điểm trường	5
Tư thực	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x

Trường PTDTBT Tiểu học Huỗi Lềng tiền thân là trường Trung học cơ sở Huỗi Lềng được chia tách và thành lập theo quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc chia tách và thành lập trường học;

Là một trường có nhiều thành tích về dạy và học cũng như các hoạt động khác. Trong những năm qua, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong huyện. Đã có nhiều thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi trong các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững

vàng. Chất lượng học sinh có sự chuyển biến rõ nét qua từng năm học. Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường nay đã trưởng thành. Đó là nguồn động viên cổ vũ tiếp sức cho các thầy cô trong nhà trường nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành quả trong công tác chuyên môn.

Trường có 1 hội đồng trường với 11 thành viên được thành lập đúng quy định.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 3 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Trường có cơ sở vật chất khang trang với 20 phòng học, 3 phòng chức năng, 10 phòng nội trú, 6 phòng công vụ, 1 nhà bếp, hệ thống các khối phòng hành chính, phục vụ đầy đủ được kiên cố và được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập. Được sự chỉ đạo của Phòng VH – XH xã Mường Tùng cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh. Trường PTDTBT tiểu học Huổi Lèng đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ mức độ 2, ĐĐT mức độ 3 và được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 5 năm 2025.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường PTDTBT tiểu học Huổi Lèng thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trên địa bàn xã Mường Tùng: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi TH đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục TH. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng VH – XH xã Mường Tùng, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Chất lượng học tập các môn học và HĐGD cũng như rèn luyện năng lực, phẩm chất của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải các cấp.

Các tổ chức Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2020 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, lao động tiên tiến nhiều lần được UBND huyện, UBND tỉnh, sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen, bằng khen và cờ thi đua xuất sắc. Hàng năm cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến và được UBND huyện, UBND tỉnh tặng Giấy khen, Bằng khen.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu

cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTBT tiểu học Huổi Lèng là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia trong các năm học tiếp theo.

II. Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên tính đến 31/5/2024.

	TS	Nữ	DT	Đản g viên	Trình độ chuyên môn						Biên chế	Hợp đồng
					ThS	Đ H	CD	T C	SC	CQ ĐT		
1. Ban giám hiệu	3	2	0	3	0	3	0	0	0	0	3	
Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	2	0	2	0	0	0	0	2	
2. GV giảng dạy	29	18	22	18		27	2				29	
- GV văn hóa	22	13	15	19		20	2				22	
- GV ngoại ngữ	2	1	2	0	0	2					2	
- GV Tin	1	0	1	0	0	1					1	
- GV GDTC	1	0	1	1	0	2					2	
- GV Âm nhạc	1	1	1	1	0	1					1	
- GV Mỹ thuật	1	1	1	0	0	1					1	
3. TPT Đội TNTP HCM	1	1	0	0	0	1					1	
Bán chuyên trách	0	0	0	0	0							
4. Nhân viên	4	1	4	1	0	2		2			3	2
Thiết bị	0	0	0	0	0							
Thư viện	0	0	0	0	0						1	
Y tế	1	1	1	0	0			1			1	
Kế toán	1	0	1	1	0			1			1	
Văn thư	0	0	0	0	0							
Bảo vệ	2	0	2	0	0					2		2

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên,

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. Cơ sở vật chất.

Năm học 2025-2026 nhà trường được đầu tư CSVC tương đối khang trang và sách sễ:

- Phòng học tập: 20 phòng học. trong đó: 15 phòng kiên cố; 5 phòng bán kiên cố; 0 phòng tạm;

- Phòng học bộ môn gồm: 01 Phòng tin học, 01 Tiếng anh, 01 phòng âm nhạc, 01 phòng nghệ thuật

- Phòng hỗ trợ học tập: 01 Phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng

Đoàn Đội, 01 phòng công đoàn, truyền thống.

- Phòng quản trị hành chính: 02 Phòng BGH, 01 phòng BV, 01 phòng hội đồng.

- Phòng phụ trợ: 01 phòng y tế tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập cho học sinh.

- Phòng phục vụ sinh hoạt: 10 phòng ở nội trú HS, 08 phòng công vụ GV, 01 phòng QL HS (phòng trực), 01 nhà bếp và kho, 01 nhà ăn, 01 nhà kho (tạm)

- Công trình phụ trợ: 01 nhà VS của GV; 06 nhà VS của HS; 01 công trình cấp nước (khe núi); có cổng trường, tường rào, ...

- Trường PTDTBT TH thuộc xã Mường Tùng trung tâm trường đặt tại bản Huổi Toóng 1. Mường Tùng xã vùng cao thuộc vùng 135 đặc biệt khó khăn. Phía bắc giáp phường Mường Lay; tỉnh Lai Châu. Phía nam giáp xã Na Sang. Phía đông giáp với xã Pa Ham Phía tây giáp với xã Chà Tở. Nhà trường quản lý 07 điểm bản có diện tích 10.810,20 ha, với 667 hộ và 3.703 nhân khẩu gồm 4 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn; trong đó dân tộc Mông chiếm 91,2%, dân tộc Hoa chiếm 6,6%; dân tộc Kinh chiếm 1,7%; dân tộc Thái chiếm 0,3%. Địa bàn trường quản lý về giáo dục gồm 7 thôn bản, 6 điểm trường: Huổi Toóng 1, Huổi Toóng 2, Trung Đình, Huổi Lèng, Ma Lù Thàng 1; 2, Ca Dính Nhè, Nậm Chua . Điểm trường xa nhất cách trung tâm trường gần 60 km.

- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 40% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức” của nhà xuất bản Giáo dục để thực hiện giảng dạy trong nhà trường.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm học 2025-2026 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh, cải tiến chất lượng hàng năm.

Kết quả trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 02 và trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào tháng 5 năm 2025.

Đạt chuẩn PCGD Mức độ 3, XMC mức độ 2.

V. Kết quả hoạt động giáo dục.

Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh được 94 em đạt 100% vào lớp 1 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường với các khối 1, 2, 3, 4, 5 thực hiện chương trình GDPT 2018.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2024-2025:

Tổng số học sinh: 446 trong đó có 20 lớp (3 lớp 5; 3 lớp 4; 3 lớp 3; 6 lớp 2; 5 lớp 1) đạt 100% kế hoạch giao.

- Về chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2024 - 2025:

+ Tỷ lệ HS HTCT lớp học: $446/446 = 100\%$

+ Tỷ lệ HS HTCT TH: $88/88 = 100\%$

Khối 1, 2, 3, 4 :

+ Kết quả rèn luyện NL-PC:

Tốt: 203 /359. Tỷ lệ: 56,5%

Đạt: 241 /359. Tỷ lệ: 43,5%.

CCG: 0/359. Tỷ lệ: 0%

+ Kết quả môn học và HĐGD:

HTT: 199 /359 Tỷ lệ: 44,8%

HT: 160 /359. Tỷ lệ: 55,2%

CHT: 0/359. Tỷ lệ: 0 %

Khối 5:

+ Kết quả rèn luyện NL-PC:

Tốt: 53/88. Tỷ lệ: 60,2%

Đạt: 35/88. Tỷ lệ: 39,8%.

CCG: 0/88. Tỷ lệ: 0%

+ Kết quả môn học và HĐGD:

HTT: 23/88 Tỷ lệ: 26,1%

HT: 65/88. Tỷ lệ: 73,9%

CHT: 0/88. Tỷ lệ: 0 %.

* Tham gia các cuộc thi:

Cuộc thi Tiếng anh IOE: cấp trường 6 HS đạt giải; Cuộc thi Giao lưu Toán, Tiếng việt: Cấp trường: 28 HS đạt chứng nhận và đạt giải; cấp huyện 08 HS đạt giải.

110 học sinh tham dự cuộc thi toán qua mạng ; 112 học sinh tham gia thi An toàn giao thông qua mạng....

Phong trào HĐ của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 38 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi; 42 sản phẩm vẽ tranh ô tô mơ ước ; 216 HS tham gia Viết chữ đẹp cùng Kun, 21 HS Thi vũ điệu cùng Kun, 79 HS thi Vẽ tranh về ATGT, 142 học sinh tham gia thi giao thông thông minh qua mạng Qua đó đã giáo dục kỹ năng sống nhằm củng cố khắc sâu kiến thức, phát triển

năng lực, phẩm chất học sinh. HĐ Đoàn TNCSHCM nhiều đổi mới và có nhiều kết quả tốt.

So với năm học 2024 – 2025: Kết quả học tập có những chuyển biến rõ rệt, phản ánh đúng kết quả giáo dục của nhà trường: Học sinh giỏi cấp huyện tăng cả về số lượng và chất lượng.

VI. Kết quả tài chính.

(Có bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách kèm theo)

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác.

Không

Nơi nhận

- Website;
- Phòng VH - XH (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thanh Nghị

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường PTDT bán trú Tiểu học Huổi Lèng
Mã ĐVQHNS: 1085765
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC
NHÀ NƯỚC
Quý III năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không thường xuyên	12						858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Giáo dục tiểu học		72					858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			6150				858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				326.250.000	326.850.000	326.250.000	326.850.000
Các khoản hỗ trợ khác			6199				532.206.000	1.018.334.500	532.206.000	1.018.334.500
KP thường xuyên	13						2.057.669.417	3.990.835.103	2.057.669.417	3.990.835.103
Giáo dục tiểu học		72					2.057.669.417	3.990.835.103	2.057.669.417	3.990.835.103
Tiền lương			6000				773.761.963	1.515.642.812	773.761.963	1.515.642.812
Lương theo ngạch, bậc			6001				773.761.963	1.515.642.812	773.761.963	1.515.642.812
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6050				8.726.250	17.452.500	8.726.250	17.452.500

Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				8.726.250	17.452.500	8.726.250	17.452.500
Phụ cấp lương			6100				1.008.984.804	1.975.870.891	1.008.984.804	1.975.870.891
Phụ cấp chức vụ			6101				7.891.200	17.071.200	7.891.200	17.071.200
Phụ cấp khu vực			6102				100.800.000	203.400.000	100.800.000	203.400.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107				289.800	579.600	289.800	579.600
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				518.351.300	1.018.203.600	518.351.300	1.018.203.600
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				58.528.848	117.299.346	58.528.848	117.299.346
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				137.813.656	267.687.145	137.813.656	267.687.145
Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn			6121				162.720.000	329.040.000	162.720.000	329.040.000
Phụ cấp khác			6149				22.590.000	22.590.000	22.590.000	22.590.000
Các khoản đóng góp			6300				212.883.600	424.241.400	212.883.600	424.241.400
Bảo hiểm xã hội			6301				158.519.700	315.898.600	158.519.700	315.898.600
Bảo hiểm y tế			6302				27.183.000	54.169.000	27.183.000	54.169.000
Kinh phí công đoàn			6303				18.120.000	36.118.300	18.120.000	36.118.300
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				9.060.900	18.055.500	9.060.900	18.055.500
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				4.162.800	8.477.500	4.162.800	8.477.500
Tiền điện			6501				4.162.800	8.477.500	4.162.800	8.477.500
Vật tư văn phòng			6550				9.176.000	9.176.000	9.176.000	9.176.000
Vật tư văn phòng khác			6599				9.176.000	9.176.000	9.176.000	9.176.000
Công tác phí			6700				11.124.000	11.124.000	11.124.000	11.124.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe			6701				1.174.000	1.174.000	1.174.000	1.174.000
Phụ cấp công tác phí			6702				9.100.000	9.100.000	9.100.000	9.100.000
Tiền thuê phòng ngủ			6703				850.000	850.000	850.000	850.000

Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				3.690.000	3.690.000	3.690.000	3.690.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				3.690.000	3.690.000	3.690.000	3.690.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				7.660.000	7.660.000	7.660.000	7.660.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				7.660.000	7.660.000	7.660.000	7.660.000
Mua sắm tài sản vô hình			7050				17.500.000	17.500.000	17.500.000	17.500.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053				17.500.000	17.500.000	17.500.000	17.500.000
Cộng:							2.916.125.417	5.336.019.603	2.916.125.417	5.336.019.603
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

